



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP ICD Tân Cảng - Long Bình

Ngày 31/12/2025	22,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-	-

DT thuần Q4/25
174
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 29.0 19.8%
YoY: ▲ 42.0 31.6%

LN thuần Q4/25
25.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 13.4 -35.0%
YoY: ▼ 10.8 -30.2%

LN sau thuế Q4/25
19.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 11.6 -37.7%
YoY: ▼ 9.20 -32.5%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
26.6%
YoY: +/- ▼ 3.5%

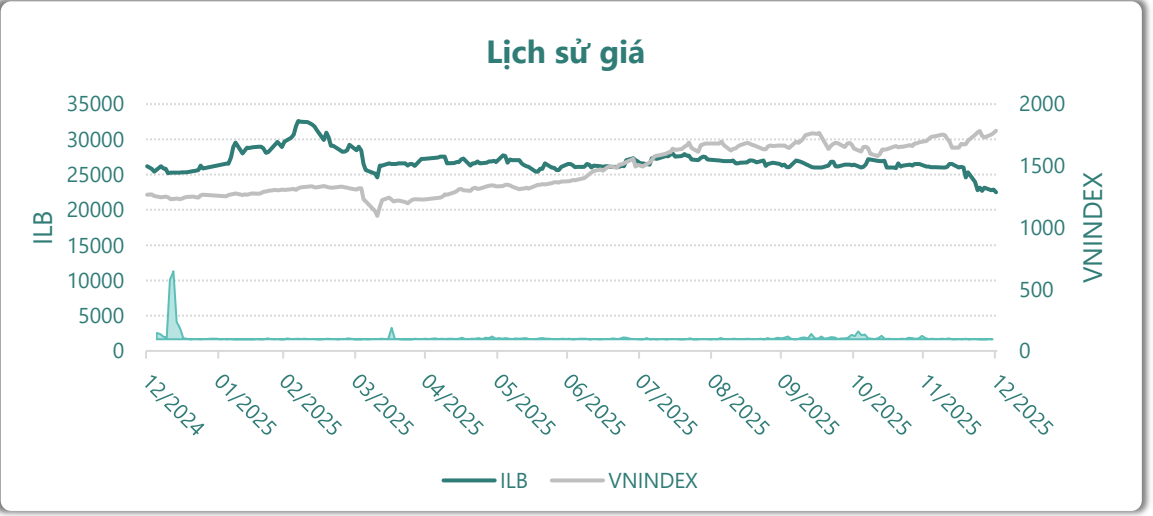
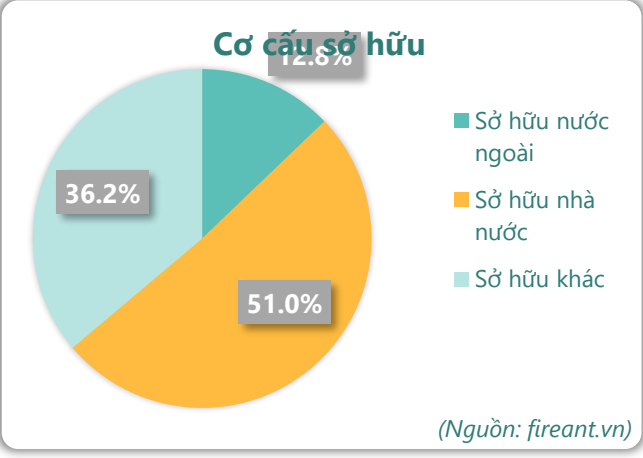
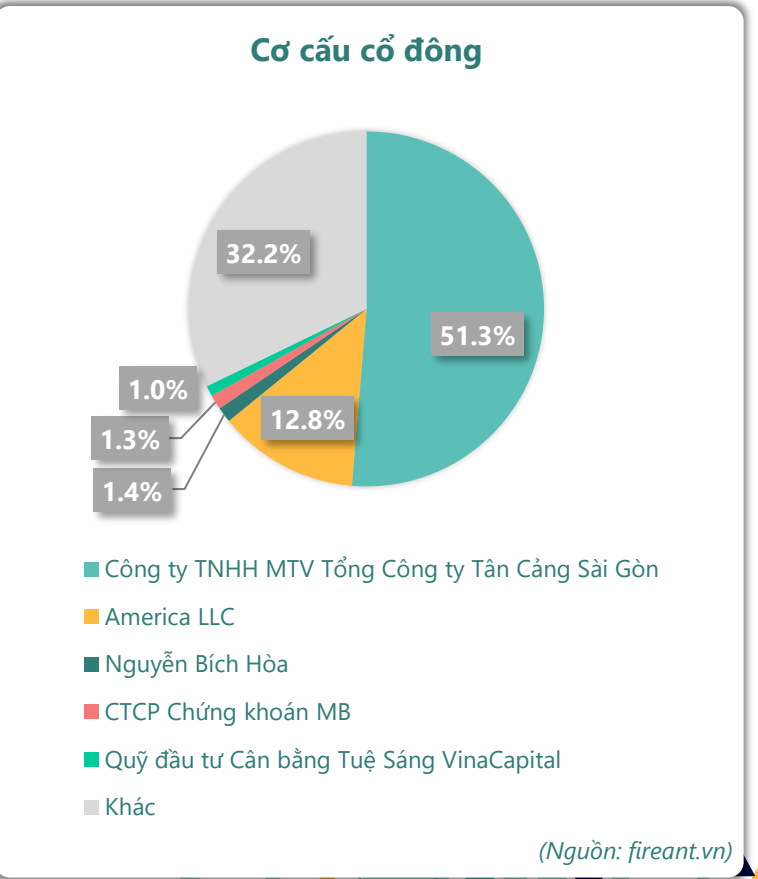
ROE 2025
14.2%
YoY: +/- ▼ 3.0%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	22,500 - 32,614
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	859
Số lượng CPLH (CP)	38,199,492
KLGD BQ 20 phiên (CP)	147,955
Sở hữu nước ngoài	12.8%
Beta	0.05
EPS	2,660
P/E	8.5

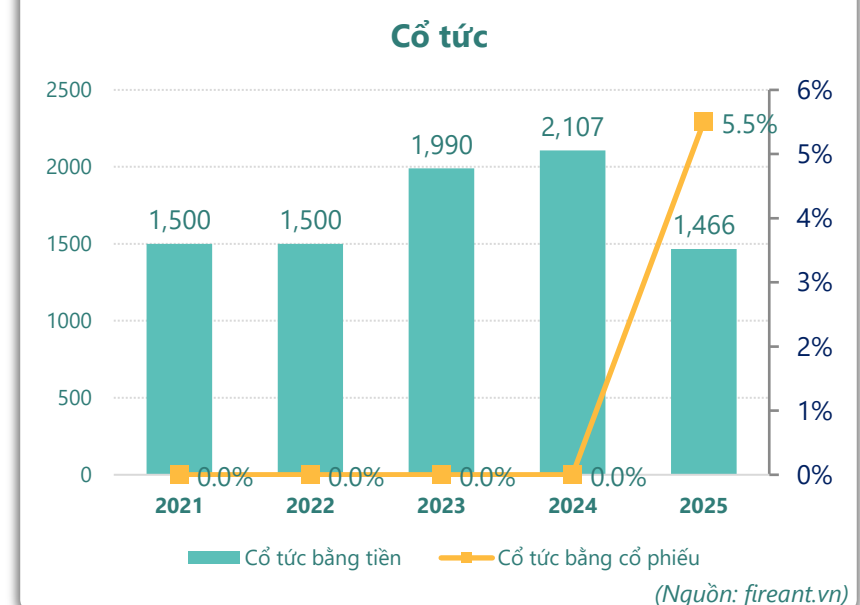
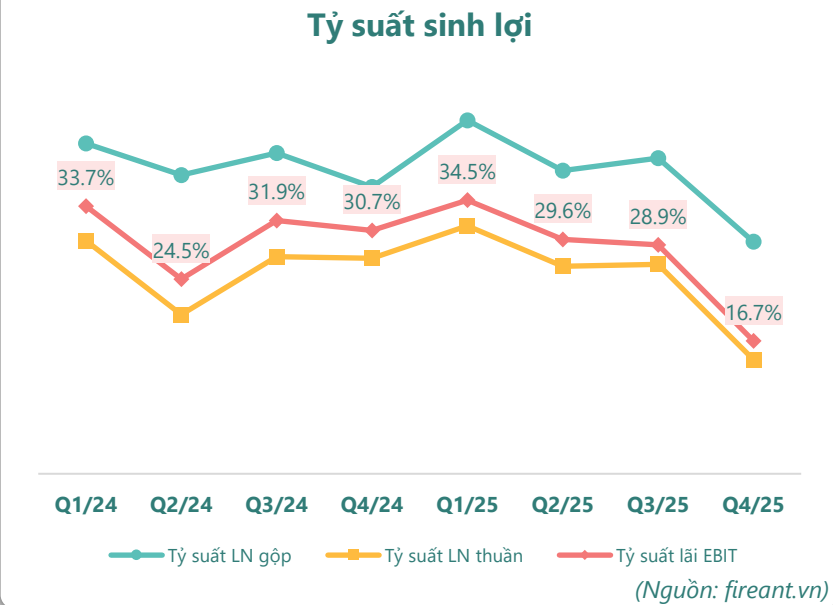
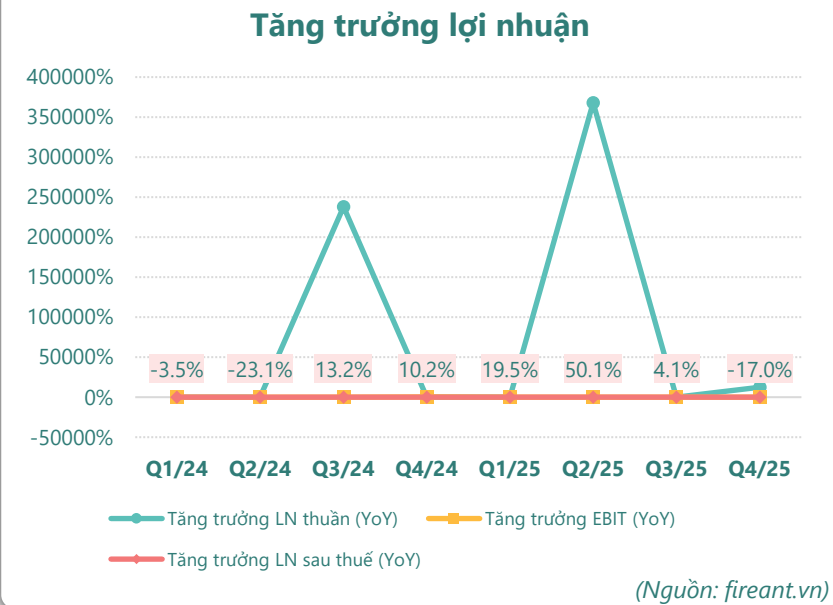
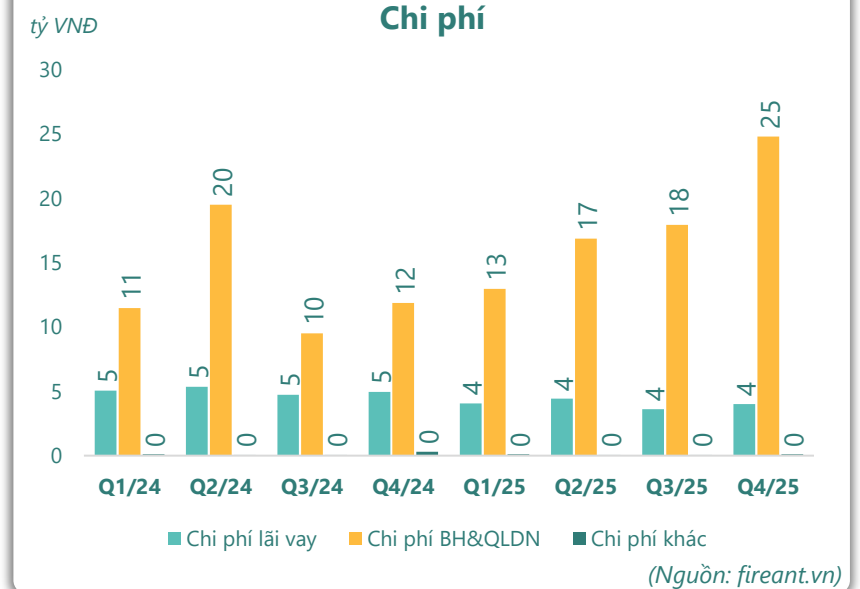
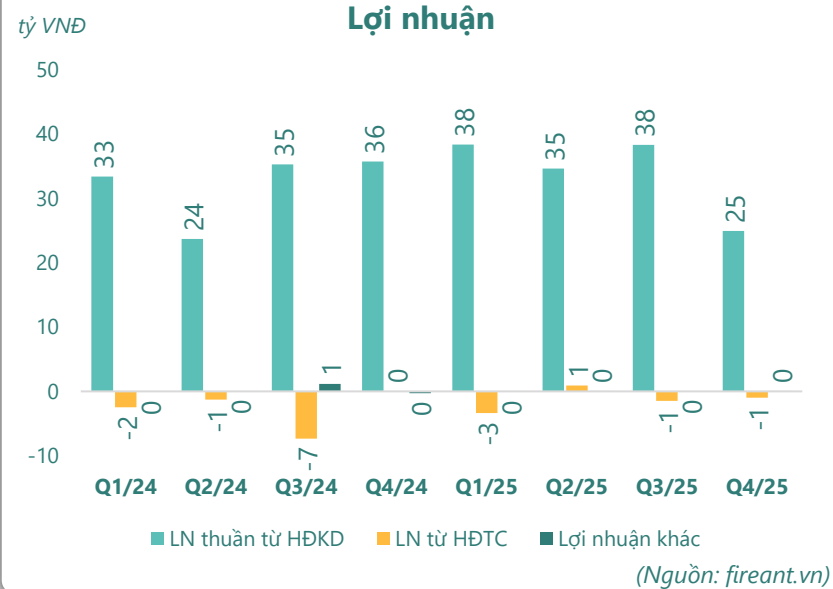
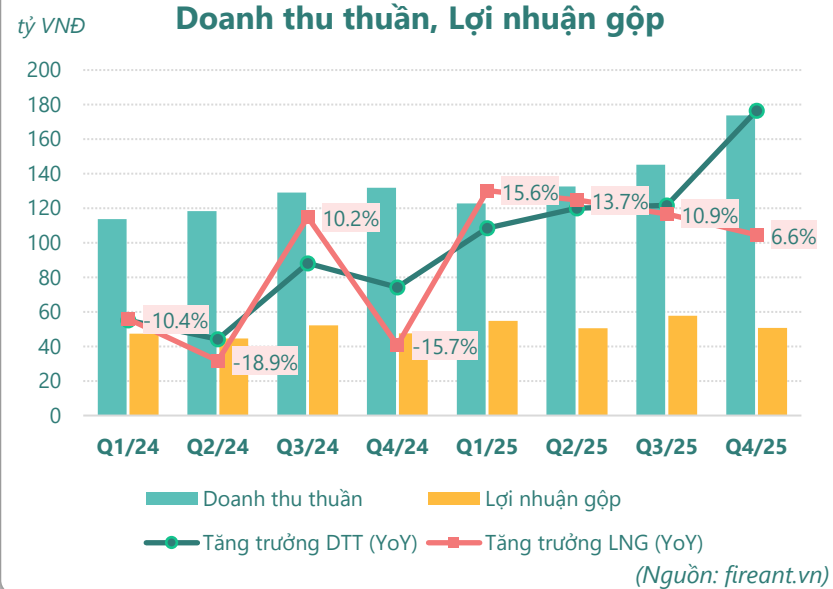
DT thuần 2025
574
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 78.0 15.7%

LN thuần 2025
136
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.00 6.4%

LN sau thuế 2025
108
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.00 4.6%



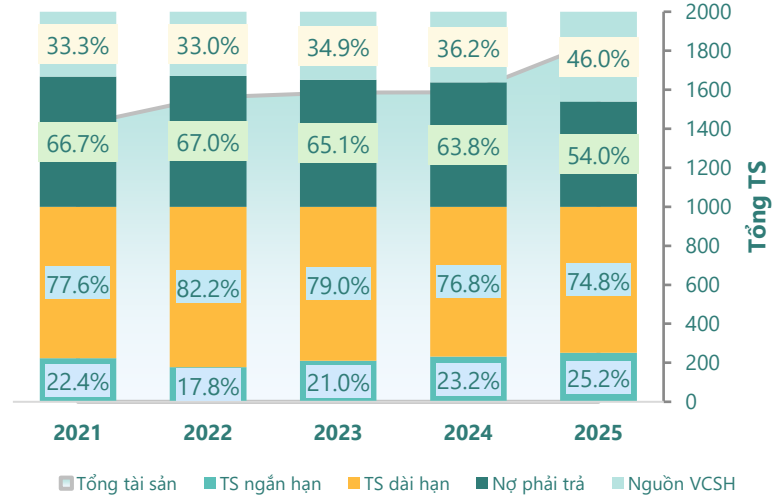
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

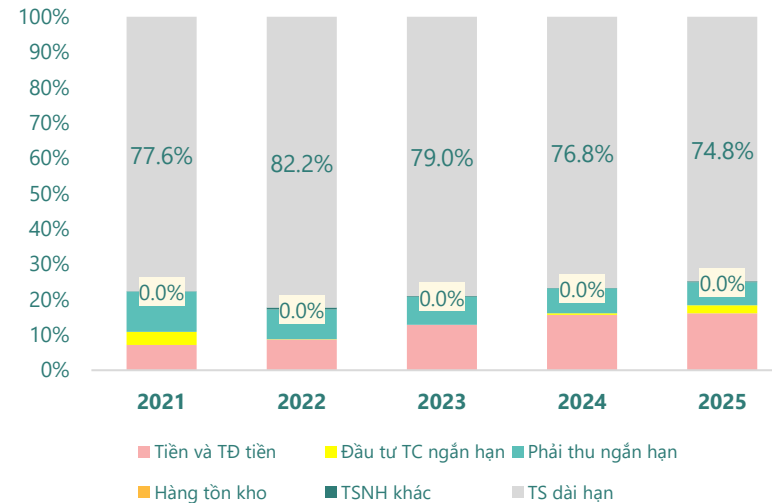
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

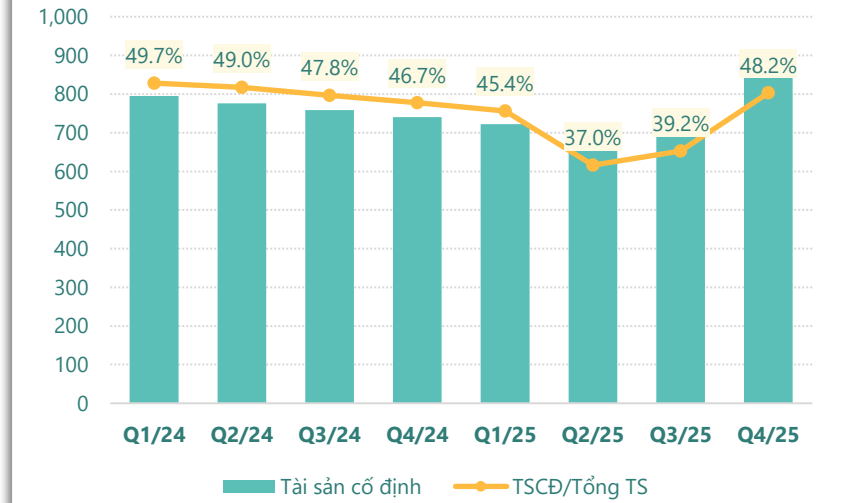
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

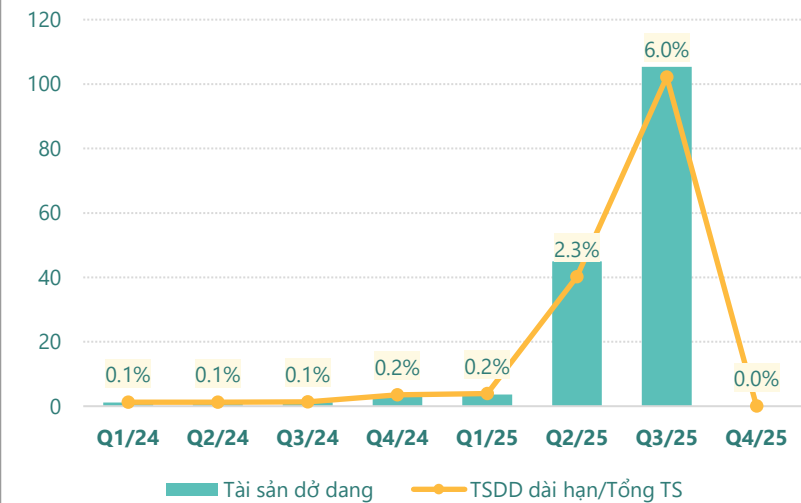
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

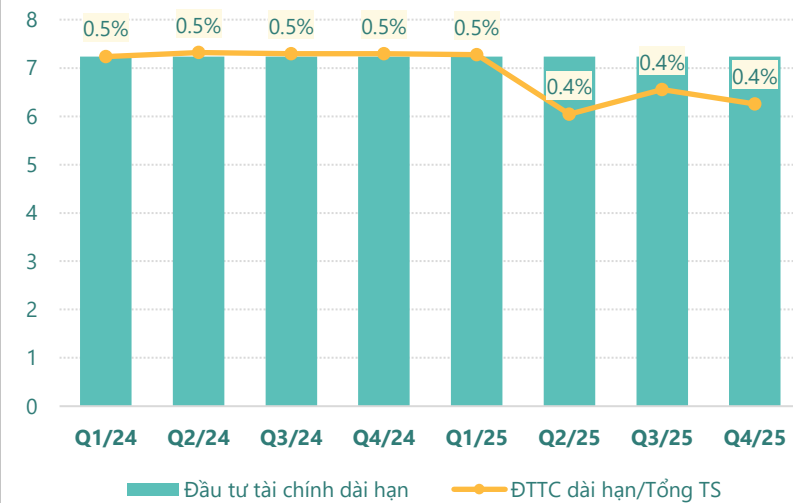
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

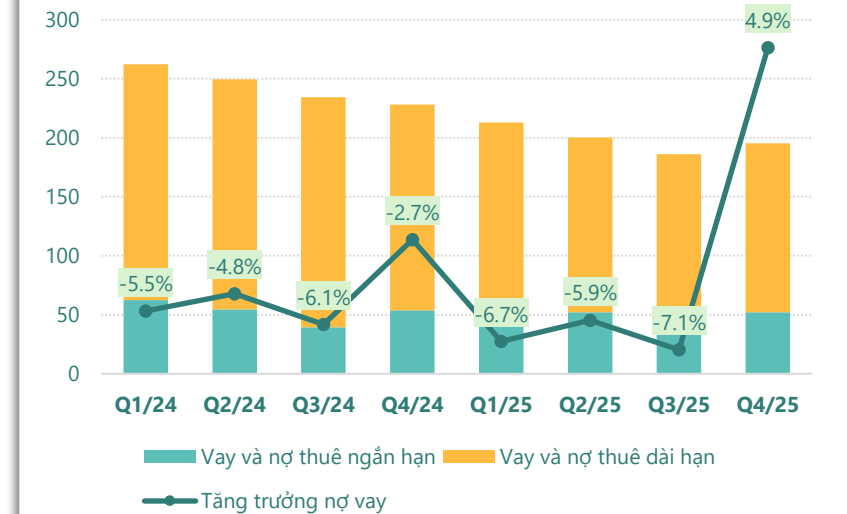
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

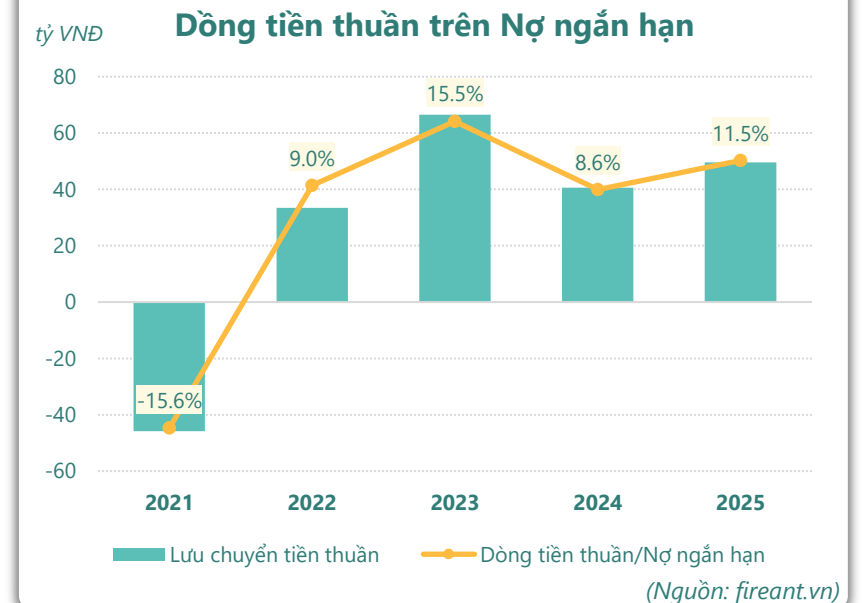
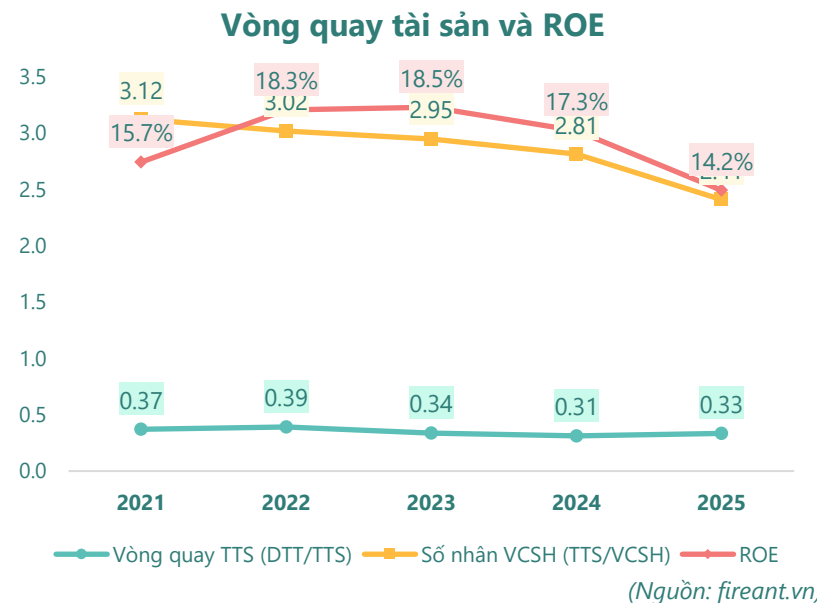
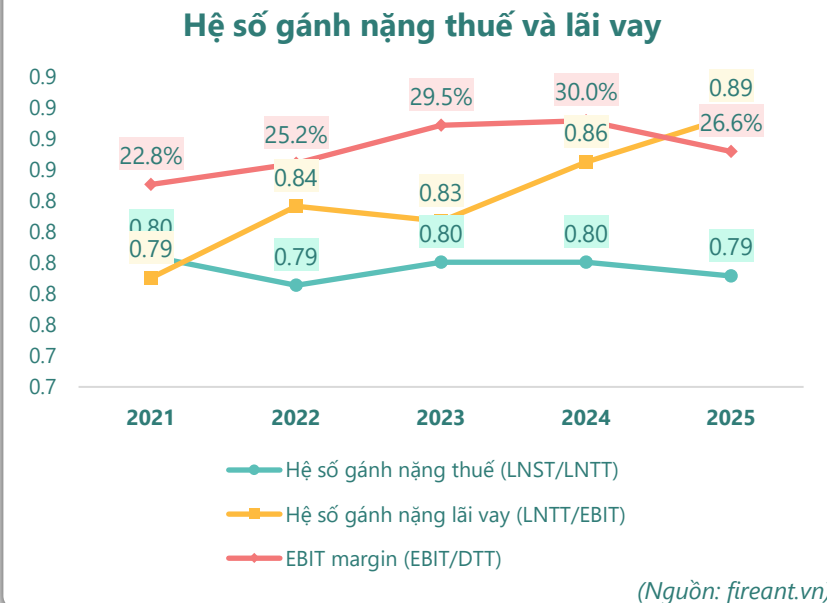
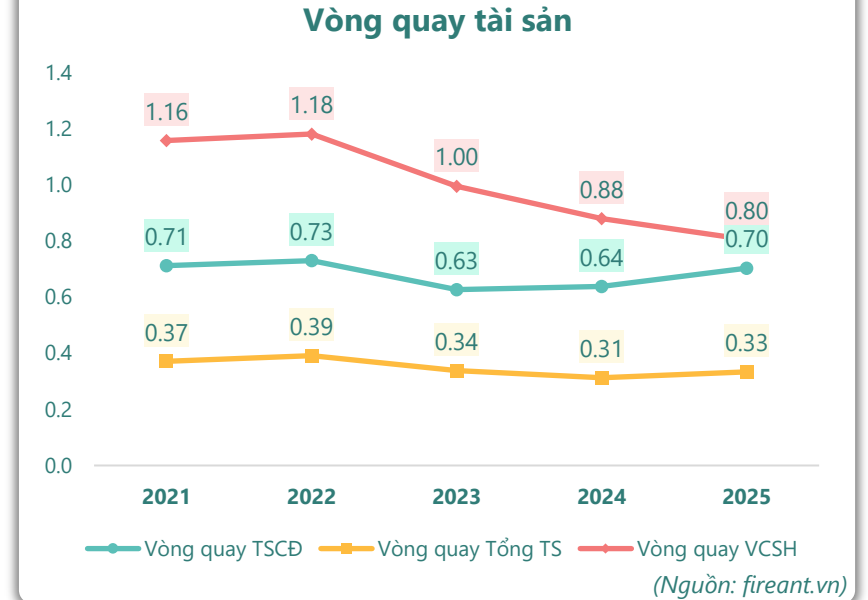
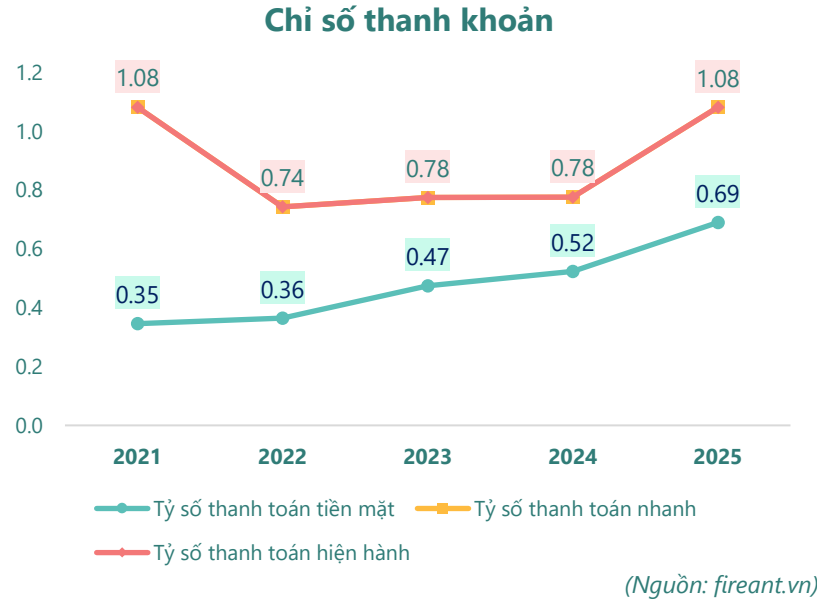
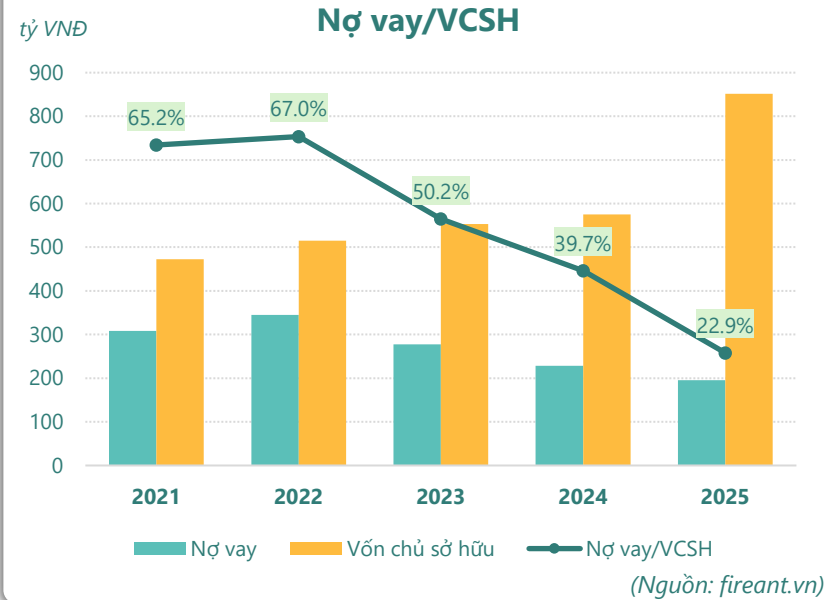
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	174	132	31.6%	574	496	15.7%
Giá vốn hàng bán	123	84.2	46.0%	360	306	17.8%
Lợi nhuận gộp	50.8	47.6	6.7%	214	190	12.5%
Doanh thu HĐTC	3.55	5.05	-29.7%	11.9	12.5	-4.6%
Chi phí TC	4.53	5.02	-9.7%	16.8	23.6	-28.5%
Chi phí lãi vay	4.01	4.96	-19.1%	16.1	20.1	-19.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.62	1.52	6.9%	4.73	4.17	13.3%
Chi phí QLDN	23.2	10.4	123%	67.9	46.8	45.1%
LN thuần từ HĐKD	25.0	35.8	-30.2%	136	128	6.4%
Lợi nhuận khác	0.09	-0.29	130%	0.02	0.70	-96.8%
LN trước thuế	25.1	35.5	-29.4%	136	129	5.8%
Lợi nhuận sau thuế	19.1	28.3	-32.5%	108	103	4.6%
LNST của CĐ cty mẹ	17.6	28.3	-37.8%	102	97.4	4.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	59.9	77.7	36.2	108	-119	76.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.30	-23.2	-9.47	-85.9	-47.3	-57.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-34.3	-37.6	-15.5	228	-36.2	-28.9
Tiền đầu kỳ	205	225	249	260	512	308
Lưu chuyển tiền thuần	23.4	16.8	11.2	250	-202	-9.75
Ảnh hưởng tỷ giá	-3.39	0	0	1.42	-1.42	-0.58
Tiền cuối kỳ	225	242	260	512	308	298

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,851	1,587	16.6%
Tài sản ngắn hạn	466	369	26.5%
Tiền và tương đương tiền	298	249	19.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	42.4	7.40	473%
Phải thu ngắn hạn	120	112	7.6%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	6.20	1.08	474%
Tài sản dài hạn	1,384	1,218	13.6%
Phải thu dài hạn	6.87	2.69	155%
Tài sản cố định	892	741	20.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	3.24	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	7.24	7.24	0.0%
Tài sản dài hạn khác	478	465	2.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	999	1,012	-1.3%
Nợ ngắn hạn	431	475	-9.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	52.0	53.9	-3.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	126	225	-44.1%
Nợ dài hạn	568	537	5.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	143	174	-17.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	852	575	48.1%
Vốn chủ sở hữu	852	575	48.1%
Vốn điều lệ	382	245	55.9%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

